

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **69/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 04 - 9 - 2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Chung Kim Sang**

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Thị Thu Thủy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị D**; sinh năm 1985 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số 21 Tổ 1, khu phố 1, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Anh Hồ Thanh N**; sinh năm 1979 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 21 Tổ 1, khu phố 1, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:**

Chị D và anh Hồ Thanh N tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh đồng Tháp; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyền số 01 ngày 25/10/2005.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc và có 01 (một) con chung tên Hồ Thanh Nh- sinh ngày 06/7/2004. Tuy nhiên, thời gian sau này

hôn nhân giữa chị và anh N không hạnh phúc, vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu là do anh N không tôn trọng vợ con, thiếu trách nhiệm, không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc; mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi, từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là Hồ Thanh Nh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa,** chị Lê Thị D xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Hồ Thanh N và yêu cầu được quyền nuôi con chung; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn anh Hồ Thanh N:** Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của anh N và lập thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật; tuy nhiên anh N không có mặt và không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Hồ Thanh N vắng mặt.

*** Tại Biên bản lập ngày 16/7/2018, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Hồ Thanh Nh (con chung giữa anh N và chị D) như sau:** Cháu Nh hiện đang sống cùng với mẹ là chị Lê Thị D và nguyện vọng của cháu vẫn muốn được tiếp tục sống cùng chị D sau khi cha mẹ ly hôn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị D; đồng thời đề nghị giao con chung giữa chị D và anh N cho chị D nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và nợ chung chị D xác định không có, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Lê Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Hồ Thanh N; địa chỉ cư trú tại: Số 21 Tổ 1, khu phố 1, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh Hồ Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị D đồng ý xét xử vắng mặt anh N theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh Hồ Thanh N.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Hồ Thanh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/10/2005, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D, Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình chung sống vợ chồng chị D và anh N phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể hàn gắn; nguyên nhân theo chị D xác định là do anh N ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con; mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi, làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; phía anh N đã được Tòa án lập thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, tuy nhiên anh N không có mặt và không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D, xử cho chị D được ly hôn với anh Hồ Thanh N.

[5] Xét yêu cầu của chị D về việc nuôi con chung là cháu Hồ Thanh Nh - sinh ngày 06/7/2004, Hội đồng xét xử nhận định:

Cháu Nh hiện đang sống cùng chị D, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình chăm sóc, giáo dục con chung chị D đã thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình; đảm bảo đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp cho con sinh sống, học tập và phát triển. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh N không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị D về việc nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu xin nuôi con chung và xác định đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị D là phù hợp quy định pháp luật, đồng thời phù hợp nguyện vọng của cháu Nh; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Nh, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Hồ Thanh Nh cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng; không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Do anh Hồ Thanh N không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nếu sau này anh N có yêu cầu về vấn đề con chung, về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện độc lập.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Hồ Thanh N.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung giữa chị Lê Thị D và anh Hồ Thanh N là cháu Hồ Thanh Nh - sinh ngày 06/7/2004 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001656 ngày 12/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2018). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến